

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP G-Automobile thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: GMA
- Địa chỉ: Số 11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (024) 37 956 373
- Email: gma@g-automobile.vn
- Website: <http://www.g-automobile.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.g-automobile.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023: Không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023 của Công ty mẹ và Hợp nhất
- Văn bản giải trình số 43./2024/CV-GMA

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Báo cáo Tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán	06-23
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10-23

10/11
C
C
G-A
VAM

Công ty cổ phần G-Automobile

Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần G-Automobile (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần G-Automobile (GMA) tiền thân là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam, được thành lập ngày 10/10/2011. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011 và giấy đăng ký thay đổi lần 9 ngày 11 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Tống Thị Thu Huyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Đào Thị Như Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng ban
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên
Bà Đặng Thu Trang	Thành viên (Đơn xin từ nhiệm ngày 20/02/2024)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty cổ phần G-Automobile

Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng các Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 280324.030/BCTC.FIS2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần G-Automobile

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần G-Automobile được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần G-Automobile tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần G-Automobile đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 25 tháng 03 năm 2023.

**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2020-002-1

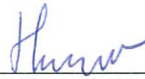
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.984.804.261	16.993.298.226
110	I. Tiền và tương đương tiền		915.325.491	156.903.998
111	1. Tiền	3	915.325.491	156.903.998
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.069.478.770	16.059.393.017
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.002.537.683	3.135.319.563
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	84.000.000	112.200.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.982.941.087	12.811.873.454
140	III. Hàng tồn kho		-	768.188.404
141	1. Hàng tồn kho		-	768.188.404
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		-	8.812.807
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	8.812.807
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		281.033.177.269	280.467.503.840
221	I. Tài sản cố định hữu hình	7	-	-
222	- Nguyên giá		227.751.865	227.751.865
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(227.751.865)	(227.751.865)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	8	280.457.035.965	280.457.035.965
251	1. Đầu tư vào công ty con		217.993.115.965	217.993.115.965
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.350.000.000	12.350.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.113.920.000	50.113.920.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		576.141.304	10.467.875
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	576.141.304	10.467.875
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		292.017.981.530	297.460.802.066

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2023 (Trình bày lại)	
			31/12/2023 VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.289.320.323	10.245.107.069
310	I. Nợ ngắn hạn		4.289.320.323	10.182.107.069
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	740.363.636	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	201.063.957	536.253.979
314	3. Phải trả người lao động		506.450.063	634.670.512
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	2.833.744.420	3.730.872.971
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		7.698.247	4.309.607
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	-	5.276.000.000
330	II. Nợ dài hạn		-	63.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	-	63.000.000
400	D. NGUỒN VỐN		287.728.661.207	287.215.694.997
410	Vốn chủ sở hữu	14	287.728.661.207	287.215.694.997
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		199.999.990.000	199.999.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		199.999.990.000	199.999.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		76.628.400.000	76.628.400.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.100.271.207	10.587.304.997
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		10.587.304.997	6.267.606.679
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		512.966.210	4.319.698.318
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		292.017.981.530	297.460.802.066


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	21.537.602.272	36.629.352.287
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.537.602.272	36.629.352.287
11	3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	17	18.290.081.071	31.024.413.065
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.247.521.201	5.604.939.222
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	18	593.911	4.507.847.709
22	6. Chi phí tài chính		383.308.874	2.049.861.087
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		383.308.874	2.049.861.087
25	8. Chi phí bán hàng	19	149.748.886	11.419.500
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.073.818.868	3.193.274.908
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		641.238.484	4.858.231.436
31	11. Thu nhập khác		-	228.100
32	12. Chi phí khác		30.722	61.140.992
40	13. Lợi nhuận khác		(30.722)	(60.912.892)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		641.207.762	4.797.318.544
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	128.241.552	477.620.226
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>512.966.210</u>	<u>4.319.698.318</u>


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kê toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

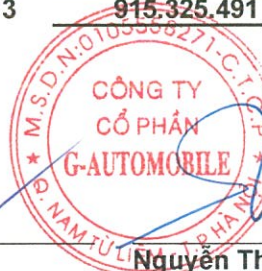
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		641.207.762	4.797.318.544
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
03	Các khoản dự phòng		-	(60.599.300)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(593.911)	(4.507.847.709)
06	Chi phí lãi vay		383.308.874	2.049.861.087
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.023.922.725	2.278.732.622
09	Giảm các khoản phải thu		5.998.727.054	6.243.715.047
10	Giảm hàng tồn kho		768.188.404	942.245.313
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		629.720.479	(4.866.771.935)
12	Tăng/(Giảm) chi phí trả trước		(565.673.429)	209.697.678
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.280.437.425)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(477.620.226)	(1.055.492.543)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.096.827.582	3.752.126.182
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
24	1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	39.000.000
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(222.590.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	29.560.540.159
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		593.911	2.420.459.550
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		593.911	(190.570.000.291)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	204.628.400.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		522.700.000	3.789.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(5.861.700.000)	(21.560.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.339.000.000)	186.857.400.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		758.421.493	39.525.891
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		156.903.998	117.378.107
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	915.325.491	156.903.998


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thùy
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần G-Automobile (GMA) tiền thân là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam, được thành lập ngày 10/10/2011. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011 và giấy đăng ký thay đổi lần 9 ngày 11 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 199.999.990.000 VND, tương ứng với 19.999.999 cổ phần phổ thông, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 16 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán ô tô, cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ/ĐHĐCĐ-GMA ngày 18/04/2023, Công ty thực hiện chuyển đổi và tái cấu trúc cho mục đích tìm kiếm và đầu tư, góp vốn vào các công ty cùng ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh dịch vụ ô tô; đẩy nhanh đầu tư vào các dự án trong hệ sinh thái xe. Do đó, trong năm Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu từ bán ô tô và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và không phát sinh doanh thu hoạt động mua bán phụ tùng máy móc kéo theo sự biến động giảm của doanh thu và kết quả kinh doanh trong năm.

Cấu trúc Công ty

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết xem tại Thuyết minh số 08.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo

cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khấu hao ước tính như sau :

- ▶ Nhà cửa và vật kiến trúc 03 năm

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.17 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn. Khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Ngoài các thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng này, các thông tin khác về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	13.519.527	93.432.967
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	901.805.964	63.471.031
	915.325.491	156.903.998

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	51.637.500	236.002.499
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	51.637.500	236.002.499
Bên khác	1.950.900.183	2.899.317.064
Công ty TNHH Vit - Metal	562.560.000	341.080.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Công nghiệp Việt (*)	311.739.571	311.739.571
Hà Văn Hạnh (*)	180.000.000	180.000.000
Công ty CP Thiết bị Lâm Tuấn Nghĩa (*)	153.625.500	153.625.500
Công ty CP Đầu tư xây dựng An Phát (*)	135.000.000	135.000.000
Công ty CP Xây dựng Nền móng Dân dụng và Công nghiệp Minh Đức	-	1.236.159.578
Các đối tượng khác	607.975.112	541.712.415
	2.002.537.683	3.135.319.563

(*) Đã thu được tiền trong tháng 02/2024.

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	-	10.000.000
Công ty TNHH BNT Việt Nam	-	7.700.000
Công ty TNHH Vinasite Việt Nam	-	5.500.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	44.000.000	44.000.000
Công ty CP Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Đất Việt	-	5.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	40.000.000	40.000.000
	84.000.000	112.200.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	44.000.000	44.000.000
Tạm ứng	7.863.941.087	12.752.642.359
Phải thu khác	75.000.000	15.231.095
	7.982.941.087	12.811.873.454

7. Tài sản cố định hữu hình

Là nhà cửa, vật kiến trúc có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2023 là 227.751.865 VND. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 227.751.865 VND.

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	217.993.115.965	217.993.115.965
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	190.993.115.965	190.993.115.965
Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát	27.000.000.000	27.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	12.350.000.000	12.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	12.350.000.000	12.350.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	50.113.920.000	50.113.920.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	47.113.920.000	47.113.920.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ TMC	3.000.000.000	3.000.000.000
	280.457.035.965	280.457.035.965

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong năm:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	55%	55%	Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Cho Thuê ô tô An Hòa Phát	90%	90%	Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cho thuê ô tô

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	30,875%	30,875%	Số 1 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh ô tô
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	4,99%	4,99%	Số 28, phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất nhập khẩu khoáng sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TMC	15%	15%	Khu đô thị sinh thái Sông Hồng - Nam Đàm Vạc, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	576.141.304	-
Khác	-	10.467.875
	576.141.304	10.467.875

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư Thương Mại An Đô	734.363.636	-
Bên khác		
Khác	6.000.000	-
	740.363.636	-

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lãi vay phải trả	2.793.744.420	3.690.872.971
Khác	40.000.000	40.000.000
	2.833.744.420	3.730.872.971

Công ty cổ phần G-AutomobileSố 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023		Năm 2023		31/12/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.789.560	312.060.888	294.494.970	-	28.355.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	477.620.226	128.241.552	477.620.226	-	128.241.552
Thuế thu nhập cá nhân	-	47.844.193	170.313.401	173.690.667	-	44.466.927
Các loại thuế khác	8.812.807	-	11.812.807	3.000.000	-	-
	8.812.807	536.253.979	622.428.648	948.805.863	-	201.063.957

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty cổ phần G-AutomobileSố 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**13. Các khoản vay**

	01/01/2023 (Trình bày lại)		Năm 2023		31/12/2023
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn:	3.726.000.000	516.000.000	4.242.000.000		-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	1.950.000.000	-	1.950.000.000		-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng	1.776.000.000	170.000.000	1.946.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương mại An Đô	-	346.000.000	346.000.000		-
Dài hạn đến hạn trả:	1.550.000.000	69.700.000	1.619.700.000		-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	1.550.000.000	-	1.550.000.000		-
Vay các cá nhân: Nguyễn Thị Tố Quyên	-	69.700.000	69.700.000		-
	5.276.000.000	585.700.000	5.861.700.000		-
b) Vay dài hạn					
Vay các cá nhân: Nguyễn Thị Tố Quyên	63.000.000	6.700.000	69.700.000		-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	1.550.000.000	-	1.550.000.000		-
	1.613.000.000	6.700.000	1.619.700.000		-
Khoản đến hạn trả:					
- Trong 12 tháng	(1.550.000.000)	(69.700.000)	(1.619.700.000)		-
- Sau 12 tháng	63.000.000				-

14. Vốn chủ sở hữu**a) Biến động Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	60.000.000.000	-	18.452.063.870	78.452.063.870
Lợi nhuận năm trước	-	-	4.319.698.318	4.319.698.318
Tăng vốn	139.999.990.000	76.800.000.000	-	216.799.990.000
Chia cổ tức	-	-	(11.999.990.000)	(11.999.990.000)
Giảm khác	-	(171.600.000)	(184.467.191)	(356.067.191)
Tại ngày 01/01/2023	199.999.990.000	76.628.400.000	10.587.304.997	287.215.694.997
Lợi nhuận năm nay	-	-	512.966.210	512.966.210
Tại ngày 31/12/2023	199.999.990.000	76.628.400.000	11.100.271.207	287.728.661.207

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Phùng Văn Hùng	19.800.000.000	9,90	19.800.000.000	9,90
Công ty TNHH Đầu tư G-Holding	13.680.000.000	6,84	13.680.000.000	6,84
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	12.960.000.000	6,48	12.960.000.000	6,48
Cổ đông khác	153.559.990.000	76,78	153.559.990.000	76,78
	199.999.990.000	100,00	199.999.990.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	199.999.990.000	60.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	139.999.990.000
- Vốn góp cuối năm	199.999.990.000	199.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	11.999.990.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	11.999.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(11.999.990.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(11.999.990.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.999	19.999.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.999.999	19.999.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê văn phòng số 010822/GML-ETC ngày 01/08/2022 với Công ty Cổ phần Gami Bất động sản, diện tích thuê 40m², thời hạn thuê 17 tháng. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	-	132.000.000
	-	132.000.000

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Bán hàng hóa	17.602.727.272	32.471.167.105
Cung cấp dịch vụ	3.934.875.000	4.158.185.182
	21.537.602.272	36.629.352.287

17. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Bán hàng hóa	17.487.272.721	30.311.883.065
Cung cấp dịch vụ	802.808.350	712.530.000
	18.290.081.071	31.024.413.065

18. Doanh thu tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	593.911	10.700.443
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.409.759.107
Lãi do chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	2.087.388.159
	593.911	4.507.847.709

19. Chi phí bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	118.654.167	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.903.250	11.419.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.191.469	-
	149.748.886	11.419.500

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý (*)	1.588.902.840	2.552.928.676
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	88.564.625	206.728.809
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	(60.599.300)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.059.329	356.918.450
Chi phí bằng tiền khác	44.292.074	134.298.273
	2.073.818.868	3.193.274.908

(*) Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện phân bổ một phần tiền lương nhân viên vào chi phí bán hàng và giá vốn cung cấp dịch vụ nên chi phí này có thay đổi đáng kể so với năm 2022 (được phản ánh toàn bộ vào chi phí quản lý doanh nghiệp)

21. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	641.207.762	4.797.318.544
Các khoản điều chỉnh tăng	-	61.140.992
- Chi phí không hợp lệ	-	61.140.992
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.470.358.407)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(2.409.759.107)
- Chi phí hoàn nhập dự phòng (chi phí trích lập dự phòng đã được loại trừ trên biên bản kiểm tra thuế năm 2019 ngày 03/09/2020)	-	(60.599.300)
Thu nhập chịu thuế TNDN	641.207.762	2.388.101.129
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	128.241.552	477.620.226
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	477.620.226	888.694.646
Truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	-	166.797.897
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(477.620.226)	(1.055.492.543)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	128.241.552	477.620.226

22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.318.318.257	2.552.928.676
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	282.514.975	206.728.809
Chi phí dự phòng	-	(60.599.300)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	378.250.798	356.918.450
Chi phí khác bằng tiền	47.292.074	137.298.273
	3.026.376.104	3.193.274.908

23. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023 được trình bày lại cụ thể như sau:

Công ty cổ phần G-AutomobileSố 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2,
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước	Số liệu trình bày lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND		
Bảng cân đối kế toán riêng					
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.339.000.000	5.276.000.000	63.000.000	(*)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	63.000.000	(63.000.000)	(*)

(*) Phân loại lại khoản vay từ ngắn hạn thành dài hạn.

25. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 28 tháng 03 năm 2024.


Nguyễn Thị Hương
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thanh Thủy
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN G-
AUTOMOBILE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 13/2024/CV-GMA

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023 thay đổi từ 10% so với năm 2022, và thay đổi từ 5% giữa báo cáo kiểm toán và báo cáo đơn vị tự lập

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE
- Mã chứng khoán : GMA
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Căn cứ theo khoản 4, điều 14, chương III của Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP G- Automobile xin báo cáo và giải trình Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("LNST") năm 2023 và năm 2022 chênh lệch từ 10% trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất và thay đổi từ 5% giữa báo cáo kiểm toán và báo cáo đơn vị tự lập như sau:

A. Số liệu trên báo cáo riêng

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng (+) giảm(-)	% tăng, giảm
1	Lợi nhuận gộp	3.247.521.201	5.604.939.222	-2.357.418.021	-42,06%
2	Doanh thu tài chính	593.911	4.507.847.709	-4.507.253.798	-99,99%
3	Chi phí tài chính	383.308.874	2.049.861.087	-1.666.552.213	-81,30%
4	Chi phí hoạt động	2.223.567.754	3.204.694.408	-981.126.654	-30,62%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	512.966.210	4.319.698.318	-3.806.732.108	-88,12%

LNST trong năm 2023 của Công ty G- Automobile giảm 3.806 triệu đồng, tương đương 88 % so với năm 2022 do các nguyên nhân sau:

- Công ty bắt đầu tham gia vào lĩnh vực kinh doanh xe ô tô, tuy nhiên thị trường năm 2023 có nhiều biến động bất lợi nên số lượng xe bán ra cũng như lợi nhuận chưa được như mong đợi.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh: Năm 2023 công ty không có thu nhập từ các hoạt động tài chính (năm 2022 công ty có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần và nhận cổ tức).

Từ năm 2023, Công ty mẹ chuyển định hướng hoạt động sang lĩnh vực là công ty mẹ đầu tư tài chính vào các công ty thành viên trong lĩnh vực phân phối và dịch vụ xe ô tô (holding) do đó gần như không còn các hoạt động kinh doanh trực tiếp như trong năm 2022.

B. Số liệu trên báo cáo hợp nhất

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng (+) giảm(-)	% tăng, giảm
1	Lợi nhuận gộp	218.556.864.829	123.755.759.751	94.801.105.078	76,60%
2	Doanh thu tài chính	376.900.950	11.546.280.664	-11.169.379.714	-96,74%
3	Chi phí tài chính	58.444.588.498	17.535.241.586	40.909.346.912	233,30%
4	Chi phí hoạt động	164.767.425.075	99.065.149.731	65.702.275.344	66,32%
5	Lợi nhuận khác	1.332.664.813	7.533.075.336	-6.200.410.523	-82,31%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	284.817.626	26.659.546.374	-26.374.728.748	-98,93%

LNST trong báo cáo hợp nhất năm 2023 của Công ty giảm 99% so với năm 2022 là các nguyên nhân sau:

- Năm 2023 vẫn là một năm rất khó khăn của nền kinh tế nói chung và thị trường xe hơi nói riêng, đặc biệt như các dòng xe sang (như thương hiệu Mercedes Benz). Các hãng xe hơi tại Việt Nam đều đưa ra nhiều chương trình ưu đãi, giá giảm sâu để thu hút khách mua, tuy nhiên doanh số bán vẫn giảm sút. Đây là nhân tố chính dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế của đơn vị bị giảm mạnh.
- Các chỉ tiêu lợi nhuận gộp, chi phí tài chính, chi phí hoạt động đều tăng nhiều so với năm 2022 là do: trong năm 2022 công ty đầu tư vào 2 công ty con là Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du và Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát, nên BCTC năm 2022 chỉ hợp nhất KQKD của các công ty con kể từ thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát. Còn năm 2023 được hợp nhất đủ 12 tháng.
- Ngoài ra, năm 2022 đơn vị có khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, nhận cổ tức và thu nhập khác từ công ty con khi hợp nhất. Năm 2023 đơn vị không phát sinh các khoản thu nhập này.

C. Chênh lệch LNST trên báo cáo đơn vị tự lập và báo cáo kiểm toán

Chỉ tiêu	2023		Tăng/ giảm	% Tăng, giảm
	Báo cáo đơn vị tự lập	Báo cáo kiểm toán		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	179.576.359	284.817.626	105.241.267	58,61%

05558.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
AUTOMO
TỰ LIÊM

Phần lãi lỗ từ công ty liên kết trên BCTC hợp nhất thay đổi do lợi nhuận sau thuế của công ty liên kết thay đổi sau khi công ty này kiểm toán BCTC.

Bằng công văn này, Công ty CP G- Automobile kính giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà Nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chênh lệch LNST trên 10% trong báo cáo năm 2023 so với cùng kỳ năm trước, và chênh lệch từ 5% giữa báo cáo đơn vị tự lập và báo cáo kiểm toán.

Trân trọng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN G- AUTOMOBILE
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THANH THỦY

